TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28 -4 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Khắc

Ông Hoàng Anh Tài

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Bùi Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên toà số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Thanh T; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, có mặt anh T (Chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Thanh T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 04/5/2012 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 06 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, chị bị xúc phạm về tinh thần. Vợ chồng đã sống ly thân

từ tháng 11/2019 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Sao M, sinh ngày 25/8/2012 và cháu Bùi Mai A, sinh ngày 09/02/2017. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, giao cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 27/3/2020, chị đồng ý với nguyện vọng của anh T, chị giao cả hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Thanh T trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, không có mâu thuẫn, khúc mắc, cãi vã gì dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng. Anh không muốn vợ chồng tan vỡ để cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa anh T thừa nhận, từ tháng 11/2019 đến nay, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Sao M, sinh ngày 25/8/2012 và cháu Bùi Mai A, sinh ngày 09/02/2017. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H, anh T đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Thanh T. Giao cháu Bùi Sao M, sinh ngày 25/8/2012 và cháu Bùi Mai A, sinh ngày 09/02/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Bùi Thanh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

[2] Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là

trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[3] Chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị H.

[4] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Bùi Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/5/2012 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai, vấn đề này cũng đã được UBND xã N xác nhận. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh T lên làm việc để hoà giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh T đều không có mặt, thể hiện anh T không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị H, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh T.

[5] Về con cái: Chị H và anh T có 02 con chung. Hiện các cháu đang ở với anh T. Chị H và anh T đều có nguyện vọng giao cả hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của hai bên là chính đáng, cũng như theo nguyện vọng của cháu M muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H và anh T, giao cả hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

[6] Về tài sản: Chị H, anh T không yêu cầu nên miễn xét.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Thanh T.

2. Về con cái: Giao cháu Bùi Sao M, sinh ngày 25/8/2012 và cháu Bùi Mai A, sinh ngày 09/02/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Chị H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0002649 ngày 21/01/2020. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị H, có mặt anh T. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc